

Số: **227/2020/QĐST-HNGĐ**

*T2 H1, ngày 24 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T2 H1, TH3NH PHỐ H3 N**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và G đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tH3nh ngày 16 tháng 9 năm 2020.

Sau khi nghiên cứu H1 sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham G tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- **Chị V Thị T H, sinh năm 1979;** Hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 3, ngách 199/2 T1 K1, phường T1 K1, quận T2 H1, TP H3 N.

- **A N Q K, sinh năm 1979;** Hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 4, hẻm 199/2/5 T1 K1, phường T1 K1, quận T2 H1, TP H3 N.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị V Thị T H và A N Q K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/8/2002 tại ủy ban nhân dân phường G V, quận N Q2, tH3nh phố H3 P, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

A, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ cH1ng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 (sáu) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống. A, chị cùng xác định tình cảm vợ cH1ng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị H, A K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị H, A K cùng xác nhận A chị có 02 con chung là N Q5 D, sinh ngày 03/3/2003 và N M A, sinh ngày 07/9/2008. A chị thỏa thuận sau ly hôn Go A K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung N Q5 D, Go chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung N M A đến khi con chung tH3nh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Các bên không pH3 cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có Q2 thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, nH3 ở, công nợ chung: Chị H, A K cùng xác nhận A chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị H đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 000... ngày 08/9/2020 tại Chi cục Thi H3nh án dân sự quận T2 H1.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH3nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V Thị T H và A N Q K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H, A K có 02 con chung là N Q5 D, sinh ngày 03/3/2003 và N M A, sinh ngày 07/9/2008.

Go A N Q K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung N Q5 D.

Go chị V Thị T H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung N M A.

Các bên không pH3 cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi con chung tH3nh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

A K, chị H được Q2 thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở

- Về tài sản, nH3 ở, công nợ chung: Chị H, A K cùng xác nhận A chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Chị V Thị T H tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị H đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 000... ngày 08/9/2020 tại Chi cục Thi H3nh án dân sự quận T2 H1.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban H3nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận T2 H1;
- UBND phường G V, quận N Q2,
- TP H3 P (đăng ký kết hôn số 53, ngày 06/8/2002);
- Lưu H1 sơ.

#### **THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Vân A**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....<sup>(1)</sup>  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: ...../...../QĐST-HNGĐ<sup>(2)</sup>

....., ngày .... tháng .... năm .....

## QUYẾT ĐỊNH

### CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

### VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

### TÒA ÁN NHÂN DÂN .....

Căn cứ<sup>(3)</sup>..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ<sup>(4)</sup>..... Luật Hôn nhân và G đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu H1 sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ<sup>(5)</sup> ngày ....tháng .....năm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham G tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:<sup>(6)</sup>.....

.....

- Người có Q2 lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(7)</sup>.....

.....

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:<sup>(8)</sup>

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: .....

.....  
- Về con chung: .....

.....  
- Về tài sản chung: .....

.....  
- Về các vấn đề khác:.....

.....  
2. Về lệ phí Tòa án: .....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban H3nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H1 sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tH3nh phố thuộc tỉnh, tH3nh phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tH3nh phố thuộc tỉnh, tH3nh phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, tH3nh phố H3 N); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, tH3nh phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (tH3nh phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H3 Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và G đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và G đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những N dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH3nh. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].